

Số: 3974/2024/QĐST-DS

Thành phố Thủ Đức, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 2004/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ, ông Huỳnh Minh Đ1 (Văn bản ủy quyền số 492/2024/UQ-PGD ngày 15/01/2024).

Địa chỉ liên hệ: Tầng A, Số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đoàn Uy B – Chủ Doanh nghiệp tư nhân D.

Trụ sở: Lầu 1, C T, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Uy B.

Địa chỉ: 5 N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có ông Huỳnh Minh Đ1 là đại diện theo ủy quyền và ông Đoàn Uy B - Chủ Doanh nghiệp tư nhân D cùng thống nhất thỏa thuận:

Các bên đương sự thống nhất về việc ký kết hợp đồng, số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: GVP/19082 ngày 27/9/2019, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 09/6/2020, Khế ước nhận nợ lần 2 Số: GVP/19082-02 ngày 06/02/2020 số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024, bao gồm: Nợ gốc khoản vay là 290.479.603 đồng; Nợ lãi khoản vay là 361.530.980 đồng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 07/10/2019 với số tiền tạm tính đến ngày 16/8/2024 là 190.497.824 đồng, gồm tiền nợ gốc: 30.844.050 đồng, tiền nợ lãi: 159.653.774 đồng.

- Tổng số tiền **Ngân hàng TMCP V** yêu cầu **Đoàn Uy B** - Chủ **Doanh nghiệp tư nhân D** thanh toán là 842.508.407 (tám trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm lẻ bảy) đồng.

Ngân hàng TMCP V đồng ý cho ông **Đoàn Uy B** - Chủ **doanh nghiệp tư nhân D** trả dần số tiền 842.508.407 (tám trăm bốn mươi hai triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bốn trăm lẻ bảy) đồng trong thời gian 02 (hai) tháng, hạn chót thanh toán là ngày 16/10/2024.

Trường hợp ông **Đoàn Uy B** - Chủ **Doanh nghiệp tư nhân D** vi phạm một lần nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nêu trên thì **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc ông **Đoàn Uy B** - Chủ **doanh nghiệp tư nhân D** phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền còn lại chưa thanh toán.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại **Ngân hàng TMCP V** hoặc tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Từ ngày 17/8/2024, ông **Đoàn Uy B** - Chủ **doanh nghiệp tư nhân D** vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho **V1**.

Về án phí:

- Bị đơn ông **Đoàn Uy B** - Chủ **Doanh nghiệp tư nhân D** phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 18.637.626 (mười tám triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi sáu) đồng, ông **B** chưa nộp án phí.

- Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP V** không phải chịu án phí. Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.208.769 (mười lăm triệu, hai trăm linh tám nghìn, bảy trăm sáu mươi chín) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0000786 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trúc Chi